HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2026/NQ-HĐND	*Tuyên Quang, ngày 22 tháng 4 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức chi cụ thể thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13;

Căn cứ Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13;

Căn cứ Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 39/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Quy định về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia, Tủ sách pháp luật tại cơ quan, đơn vị của lực lượng vũ trang nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 56/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở;

Xét Tờ trình số 54/TTr-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi cụ thể thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 54/BC-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi cụ thể thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi cụ thể thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 56/2023/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho việc thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

Điều 2. Mức chi cụ thể trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở

1. Mức chi cụ thể trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Những nội dung và mức chi không được quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC và quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp nội dung chi và mức chi tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC được viện dẫn thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật khác mà văn bản quy phạm pháp luật đó giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức chi cụ thể thì thực hiện theo văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 3. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 5 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ, một phần các Nghị quyết sau:

a) Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Bãi bỏ Danh mục Nghị quyết tại số thứ tự 15 Mục IV Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XX, Kỳ họp thứ hai (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp; Tài chính;
- Vụ pháp chế Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Uỷ ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Tuyên Quang;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, Uỷ ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- CSDL VBQPPL tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (NgT).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Hầu Minh Lợi

PHỤ LỤC

Mức chi cụ thể trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (1.000đ)	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
1	Chi công tác phí cho những người đi công tác, kiểm tra, giám sát, bao gồm cả báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cộng tác viên, chuyên gia tham gia đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải viên; chi tổ chức các cuộc họp (bao gồm cả cuộc họp bầu hòa giải viên, bầu tổ trưởng tổ hòa giải), hội nghị chuyên đề, hội nghị tổng kết, sơ kết, triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, các Chương trình, đề án, kế hoạch		Thực hiện theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định chế độ công tác phí, chi hội nghị; chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	
2	Chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật, hoà giải ở cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức; báo cáo viên pháp luật; tuyên truyền viên pháp luật và người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật; hoà giải viên ở cơ sở; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số theo khoản 3 Điều 17 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người khuyết tật theo khoản 3 Điều 20 Luật số 14/2012/QH13		Thực hiện theo Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Nội dung và mức chi hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ, tiền phương tiện đi lại đối với học viên là đại biểu ở cấp xã thực hiện theo mức chi hỗ trợ đối với đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp thực hiện theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND	
3	Chi tổ chức cuộc họp đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (1.000đ)	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
a	Người chủ trì	Người/cuộc họp	150	90
b	Các thành viên	Người/cuộc họp	100	60
4	Chi ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; đăng tải thông tin pháp luật, các thông tin khác về hoạt động xây dựng và thực hiện pháp luật, hỏi đáp pháp luật cần thiết cho người dân trên cổng/trang thông tin điện tử sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; xây dựng và vận hành Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia, các dự án, đề án, chương trình ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số, mạng xã hội trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở theo chương trình, dự án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt		Thực hiện theo quy định tại Nghị định 45/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.	
5	Chi biên soạn, biên dịch tài liệu phục vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và thực hiện thông tin, truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng			
a	Chi biên soạn đồ họa thông tin pháp luật		Thực hiện theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	
b	Chi biên dịch các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (bao gồm cả tiếng dân tộc thiểu số được hiểu là ngôn ngữ không phổ thông)		Thực hiện theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND	
6	Chi biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (1.000đ)	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
a	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tờ gấp đã hoàn thành	1.500	960
b	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tình huống đã hoàn thành	450	300
c	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Câu chuyện đã hoàn thành	2.250	1.440
d	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	Tiểu phẩm đã hoàn thành	7.500	4.800
7	Chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch			
a	Xây dựng đề cương			
	- Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương	1.200	770
	- Tổng hợp, hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đề cương	2.000	1.300
b	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch			
	- Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Chương trình, Đề án, Kế hoạch	3.000	1.900
	- Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Báo cáo	500	320
c	Tổ chức họp, tọa đàm góp ý			
	- Chủ trì	Người/buổi	200	130
	- Thành viên dự	Người/buổi	100	60
d	Ý kiến tư vấn của chuyên gia	Văn bản	500	
đ	Xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	200	130
	- Thành viên Hội đồng, thư ký	Người/buổi	150	100
	- Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100	60

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (1.000đ)	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
	- Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Bài viết	300	200
	- Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	200	130
e	Ý kiến thẩm định chương trình, đề án, kế hoạch (đối với trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch)	Bài viết	500	320
g	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Văn bản	500	320
8	Chi thù lao			
a	Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, hoà giải viên cơ sở, người được mời tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt với tư cách là giảng viên	Người/buổi	Thực hiện theo Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND. Trường hợp thực hiện phổ biến giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù theo quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20, 21, 22 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13 được hưởng thêm 20% mức thù lao được nhận	
b	Thù lao huy động chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn tham gia triển khai các nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật		Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV của Bộ Nội vụ Quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định gói thầu. Danh sách chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn được chi trả thù lao huy động do người có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Quyết định số 26/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật quyết định	
9	Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt			
a	Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật (không quá 01 ngày)	Người/ngày		50
b	Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt	Người/buổi		20

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (1.000đ)	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
10	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi			
a	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi viết, thi sân khấu, trên internet về tìm hiểu pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, bao gồm			
	Chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng trong những ngày tham gia trực tiếp tổ chức cuộc thi theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thí sinh tham gia cuộc thi (kể cả ngày tập luyện và thi, tối đa không quá 10 ngày). Cán bộ, công chức, viên chức đã được hưởng khoản hỗ trợ tiền ăn, ở thì không được thanh toán công tác phí ở cơ quan.	Người/ngày	Thực hiện theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND	
b	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi sân khấu, thi trên mạng internet, thi trên sóng phát thanh - truyền hình có thêm			
	- Thuê dẫn chương trình	Người/buổi	Tùy theo quy mô, cấp tổ chức, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định mức thuê dẫn chương trình bảo đảm phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành	
	- Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu	Ngày	Tùy theo quy mô, cấp tổ chức, địa bàn tổ chức cuộc thi, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định mức thuê hội trường và thiết bị bảo đảm phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật	
	- Thuê văn nghệ, diễn viên	Người/ngày	450	290
	- Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hoá (đối với cuộc thi trên mạng internet)		Thực hiện theo Nghị định 45/2026/NĐ-CP; Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử; Thông tư số 42/2020/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản, các định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá được cơ quan có thẩm quyền ban hành và các chế độ, định mức chi tiêu quy định hiện hành của cơ quan Nhà nước	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (1.000đ)	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
c	Chi giải thưởng			
	- Giải nhất	Giải thưởng		
	+ Tập thể		15.000	9.600
	+ Cá nhân		9.000	5.800
	- Giải nhì	Giải thưởng		
	+ Tập thể		10.500	6.700
	+ Cá nhân		4.500	2.900
	- Giải ba	Giải thưởng		
	+ Tập thể		7.500	4.800
	+ Cá nhân		3.000	1.900
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng		
	+ Tập thể		4.500	2.900
	+ Cá nhân		1.500	960
	- Giải phụ khác	Giải thưởng	750	480
11	Chi thực hiện báo cáo thống kê về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở			
a	Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương	Báo cáo	75	
b	Báo cáo của các sở, ngành, địa phương	Báo cáo	3.000	1.900
c	Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh	Báo cáo	4.500	
12	Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá theo định kỳ hoặc đột xuất về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở. Đối với đoàn công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá liên ngành, liên cơ quan: Cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm bảo đảm chi phí cho chuyến công tác theo chế độ quy định. Để tránh chi trùng lặp, cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác thông báo bằng văn bản (trong giấy mời,		Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND.	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (1.000đ)	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
	triệu tập) cho cơ quan, đơn vị cử người đi công tác không phải thanh toán các khoản chi này			
13	Chi công tác hòa giải ở cơ sở			
a	Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải)			
	- Vụ, việc hòa giải thành theo Điều 24 Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13	Vụ, việc		400
	- Vụ, việc hòa giải không thành theo Điều 27 Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13	Vụ, việc		300
b	Chi hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở	Người		05 tháng lương cơ sở
c	Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải (chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải)	Tổ hòa giải/tháng		150
14	Chi kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở		Thực hiện theo Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	